

Tân Yên, ngày 21 tháng 01 năm 2026

DANH SÁCH NHÂN SỰ VÀ THIẾT BỊ Y TẾ
ĐỂ THỰC HIỆN KHÁM SỨC KHỎE LAO ĐỘNG
(Ban hành theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **Bệnh viện Đa khoa Tân Yên**

2. Địa chỉ: Thôn Đình Giã, xã Tân Yên, tỉnh Bắc Ninh.

- Điện thoại: (0204) 3 878 022; Email: bvdktanyen.syt@bacninh.gov.vn

3. Thời gian làm việc hàng ngày: Mùa hè (sáng 7h - 11h30, chiều 13h30 - 17h00); Mùa đông (sáng 7h30 - 12h, chiều 13h - 16h30). Các ngày từ T2 đến T6 hàng tuần.

4. Danh sách người thực hiện

TT	Họ tên	Số giấy phép hành nghề, ngày cấp	Phạm vi hành nghề	Văn bằng, chứng chỉ/năm cấp	Khoa/bộ phận chuyên môn
1	Nguyễn Văn Đạt	Số 006325/BG-CCHN ngày cấp 31/7/2017	KBCB hệ Ngoại - Sản	BSCKI Ngoại khoa (2024);	Ngoại
2	Nguyễn Trung Hiếu	Số 008417/BG-CCHN ngày cấp 26/4/2022	KBCB đa khoa	Bác sĩ Y khoa (2019);	Ngoại
3	Nguyễn Văn Luyện	Số 006326/BG-CCHN ngày cấp 31/7/2017	KBCB hệ Ngoại - Sản	BSCKI Ngoại khoa (2025);	Ngoại
4	Dương Thị Hương	Số 008491/BG-CCHN ngày cấp 28/6/2022	KBCB hệ Nội - Nhi	Bác sĩ Y khoa (2019); Chứng chỉ Kỹ thuật ghi và đọc điện tâm đồ cơ bản (2023)	Nội
5	Nguyễn Thị Hải Sơn	Số 008110/BG-CCHN ngày cấp 17/6/2021	KBCB đa khoa	BS Y khoa (2019); Chứng chỉ Kỹ thuật ghi và đọc điện tâm đồ cơ bản (2023)	Nội
6	Giáp Thị Thu Trang	Số 000606/BG-GPHN ngày cấp 30/12/2024	Y Khoa	BS Đa khoa (2022);	Nội
7	Lê Ngọc Hạnh	Số 007770/BG-CCHN ngày cấp 17/9/2020	KBCB đa khoa	Bác sĩ y khoa (2018)	Phụ Sản - CSSKSS
8	Nguyễn Thị Thu Hiền	Số 0004109/BG-CCHN ngày cấp 13/5/2015	KBCB hệ Ngoại - Sản	BSCKI Sản phụ khoa (2022);	Phụ Sản - CSSKSS
9	Vũ Thị Huệ	Số 005486/BG-CCHN ngày cấp 11/5/2016	KBCB hệ Ngoại - Sản	BSCKI Sản phụ khoa (2023)	Phụ Sản - CSSKSS
10	Lưu Xuân Toàn	Số 007771/BG-CCHN ngày cấp 17/9/2020	KBCB đa khoa	Bác sĩ y khoa (2018)	Phụ Sản - CSSKSS

11	Nguyễn Thanh Tú	Số 008930/BG-CCHN ngày cấp 24/4/2023	KBCB đa khoa	Bác sĩ y khoa (2021)	Phụ Sản - CSSKSS
12	Nguyễn Thành Chung	Số 0006967/PT-CCHN ngày cấp 21/4/2022	KBCB đa khoa	Bác sĩ Y khoa (2019)	Cấp cứu HSTC&CĐ
13	Trần Trung Kiên	Số 006911/BG-CCHN ngày cấp 16/7/2018	KBCB đa khoa; Bổ sung chuyên khoa Gây mê hồi sức (Theo Quyết định số 973/QĐ-SYT ngày 26/04/2024)	BSCKI Gây mê hồi sức (2023); Chứng chỉ Kỹ thuật ghi và đọc điện tâm đồ cơ bản (2023)	Cấp cứu HSTC&CĐ
14	Lê Hồng Khanh	Số 008109/BG-CCHN ngày cấp 17/6/2021	KBCB hệ Nội - Nhi	Bác sĩ y khoa (2019); Chứng chỉ Kỹ thuật ghi và đọc điện tâm đồ cơ bản (2023)	Cấp cứu HSTC&CĐ
15	Trần Thị Hường	Số 007632/BG-CCHN ngày cấp 12/6/2020	KBCB đa khoa; Bổ sung chuyên khoa Mắt (Theo Quyết định số 1309/QĐ-SYT ngày 21/4/2025)	BSCKI Nhân khoa (2024);	LCK Mắt - TMH - RHM
16	Phạm Thị Mây	Số 001466/BG-CCHN ngày 23/9/2013	KBCB Nội khoa; Tai - mũi - họng	BSCKI Tai mũi họng (2014); Chứng chỉ Thăm khám Nội soi Tai Mũi Họng (2014); Chứng chỉ Kỹ thuật điện tim cơ bản (2013)	LCK Mắt - TMH - RHM
17	Nguyễn Đình Thuận	006962/BG-CCHN	KBCB đa khoa; KBCB chuyên khoa Tai - Mũi - Họng (Bổ sung theo Quyết định số 1622/QĐ-SYT ngày 03/7/2023)	BSCKI Tai mũi họng (2022); Chứng chỉ Nội soi tai mũi họng (2018); Chứng chỉ Kỹ thuật ghi và đọc điện tâm đồ cơ bản (2023);	LCK Mắt - TMH - RHM
18	Nguyễn Thị Thủy Trinh	Số 008143/BG-CCHN ngày 02/08/2021	KBCB chuyên khoa Răng - Hàm - Mặt	BS RHM (2019)	LCK Mắt - TMH - RHM
19	Nguyễn Thị Huệ	Số 001449/BG-CCHN ngày cấp 24/4/2023	KBCB đa khoa	Bác sĩ y khoa (2021); Chứng chỉ da liễu cơ bản (2024); 'Chứng chỉ Kỹ thuật ghi và đọc điện tâm đồ cơ bản (2023)	Truyền nhiễm
20	Nguyễn Ngọc Kiểm	Số 001431/BG-CCHN ngày cấp 23/6/2023	KBCB đa khoa	Bác sĩ y khoa (2021); Chứng chỉ Kỹ thuật ghi và đọc tâm đồ cơ bản	Truyền nhiễm

				(2023);	
21	Dương Thị Vân Anh	Số 006065/BG-CCHN ngày cấp 04/04/2017	KBCB đa khoa	BSCKI Nội khoa (2024) Chứng chỉ Điện tâm đồ trong thực hành lâm sàng (2018)	Khám bệnh đa khoa
22	Ngô Thị Điền	Số 001403/BG-CCHN ngày cấp 23/9/2013	KBCB hệ Nội - Nhi	Bác sĩ đa khoa (2005); Chứng chỉ Kỹ thuật điện tim cơ bản (2013);	Khám bệnh đa khoa
23	Phùng Văn Hợi	Số 000129/BG-GPHN ngày cấp 22/4/2024	KBCB đa khoa	Bác sĩ y khoa (2022);	Khám bệnh đa khoa
24	Lê Thị Mai	Số 001399/BG-CCHN ngày cấp 23/9/2013	KBCB hệ Nội - Nhi	BSCKI Nội khoa (2024); Chứng chỉ Kỹ thuật điện tim cơ bản (2013);	Khám bệnh đa khoa
25	Lưu Ngọc Mai	Số 000809/BG-CCHN ngày cấp 30/10/2025	Y khoa	Bác sĩ y khoa (2024)	Khám bệnh đa khoa
26	Trần Thị Nga	Số 006217/BG-CCHN ngày cấp 07/6/2017	KBCB đa khoa	Bác sĩ đa khoa (2015);	Khám bệnh đa khoa
27	Trịnh Thị Phụng	Số 0002913/BG-CCHN ngày cấp 21/4/2022	KBCB đa khoa	BS Y khoa (2020); Chứng chỉ Kỹ thuật ghi và đọc điện tâm đồ cơ bản (2023);	Khám bệnh đa khoa
28	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	Số 006910/BG-CCHN ngày cấp 16/7/2018	KBCB đa khoa	Bác sĩ y khoa (2016); 'Chứng chỉ Kỹ thuật ghi và đọc điện tâm đồ cơ bản (2023);	Khám bệnh đa khoa
29	Lý Thị Châm	Số 001435/BG-CCHN ngày cấp 23/9/2013	Quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của bộ trưởng bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Cao đẳng điều dưỡng (2019)	Khám bệnh đa khoa
30	Nguyễn Thị Chín	Số 001409/BG-CCHN ngày cấp 23/9/2013	Quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của bộ trưởng bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Y sĩ đa khoa (1989)	Khám bệnh đa khoa

31	Phạm Thị Hạnh	Số 000039/BG-CCHN ngày cấp 24/10/2012	Quy định tại quyết định số 41/2005/ QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của bộ trưởng bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Cao đẳng điều dưỡng (2023)	Khám bệnh đa khoa
32	Nguyễn Thị Hằng	Số 007199/BG-CCHN ngày cấp 07/5/2019	Quy định tại thông tư liên tịch số 26/2015 TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Cử nhân điều dưỡng (2023)	Khám bệnh đa khoa
33	Phạm Thị Thanh Ngọc	Số 006617/BG-CCHN ngày cấp 06/12/2017	Quy định tại thông tư liên tịch số 26/2015 TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Cao đẳng điều dưỡng (2020)	Khám bệnh đa khoa
34	Nguyễn Thị Thanh Nhàn	Số 0002908/BG-CCHN ngày cấp 03/9/2014	Quy định tại quyết định số 41/2005/ QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của bộ trưởng bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Cử nhân điều dưỡng (2020)	Khám bệnh đa khoa
35	Lê Văn Toàn	Số 001432/BG-CCHN ngày cấp 23/9/2013	Quy định tại quyết định số 41/2005/ QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của bộ trưởng bộ nội vụ về việc ban	Điều dưỡng trung học (1998)	Khám bệnh đa khoa

			hành tiêu chuẩn nghịệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng		
36	Bùi Thị Xuân	Số 006961/BG-CCHN ngày cấp 10/9/2018	Quy định tại thông tư liên tịch số 26/2015 TTLT-BYT- BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Cử nhân điều dưỡng (2021)	Khám bệnh đa khoa
37	Phạm Thị Yến	Số 006788/BG-CCHN ngày cấp 13/4/2018	Quy định tại thông tư liên tịch số 26/2015 TTLT-BYT- BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Cao đẳng điều dưỡng (2019)	Khám bệnh đa khoa
38	Nghiêm Thị Hong Nhưng	Số 007853/BG-CCHN ngày cấp 27/11/2020	Tham gia sơ cứu, khám bệnh chữa bệnh một số bệnh thông thường theo quy định tại thông tư số 10/2015 TTLT-BYT- BNV ngày 27/05/2015	Y sỹ đa khoa (2014) Cử nhân điều dưỡng (2023)	Khám bệnh đa khoa
39	Nguyễn Thị Lệ Thu	Số 007069/BG-CCHN ngày cấp 05/11/2018	Tham gia sơ cứu, khám bệnh chữa bệnh một số bệnh thông thường theo quy định tại thông tư số 10/2015 TTLT-BYT- BNV ngày 27/05/2015	Y sỹ đa khoa (2014); Cao đẳng điều dưỡng (2020)	Khám bệnh đa khoa
40	Nguyễn Thị Vân	Số 007187/BG-CCHN ngày cấp 03/5/2019	Quy định tại thông tư liên tịch số 26/2015 TTLT-BYT- BNV ngày	Cao đẳng điều dưỡng (2023)	Khám bệnh đa khoa

			07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y		
41	Nguyễn Trọng Chiến	Số 007025/BG-CCHN ngày caaps 22/10/2018	Chuyên khoa xét nghiệm	Cử nhân Sinh học (2004); Chứng chỉ định hướng chuyên khoa Kỹ thuật y học chuyên ngành xét nghiệm (2017); Chứng chỉ Kỹ thuật viên Giải phẫu bệnh (2018);	Xét nghiệm
42	Dương Thị Duyên	Số 008336/BG-CCHN ngày cấp 26/01/2022	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học (2023)	Xét nghiệm
43	Nguyễn Thị Giang	Số 008671/BG-CCHN ngày cấp 03/11/2022	Chuyên khoa xét nghiệm	Cử nhân xét nghiệm y học (2021)	Xét nghiệm
44	Nguyễn Thị Hương	Số 040182/BYT-CCHN ngày cấp 03/6/2019	Chuyên khoa xét nghiệm	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học (2021)	Xét nghiệm
45	Nguyễn Thị Hoa Liên	Số 008558/BG-CCHN ngày cấp 12/8/2022	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học (2023)	Xét nghiệm
46	Lê Thị Hồng Ninh	Số 005651/BG-CCHN ngày cấp 28/6/2016	Chuyên khoa xét nghiệm	Cử nhân xét nghiệm y học (2013)	Xét nghiệm
47	Nguyễn Văn Quân	Số 001458/BG-CCHN ngày cấp 15/5/2020	Chuyên khoa xét nghiệm	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học (2019); Chứng chỉ Kỹ thuật xét nghiệm Giải phẫu bệnh cơ bản (2023)	Xét nghiệm
48	Hoàng Thị Phương Thảo	Số 007582/BG-CCHN ngày cấp 20/4/2020	KBCB đa khoa	Bác sĩ y khoa (2018); Chứng chỉ Xét nghiệm y học cơ bản (2021); Chứng chỉ Giải phẫu bệnh cơ bản (2023);	Xét nghiệm
49	Nguyễn Văn Hùng	Số 006421/BG-CCHN ngày cấp 25/8/2017	KBCB chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	BSCKI Chẩn đoán hình ảnh (2023); Chứng chỉ Kỹ thuật đọc cắt lớp vi tính (2016); Chứng chỉ Kỹ thuật nội soi chẩn đoán bệnh lý dạ dày tá tràng (2017); Chứng chỉ Kỹ thuật ghi và đọc điện tâm đồ cơ bản(2017);	Chẩn đoán hình ảnh & Thăm dò chức năng

50	Phạm Minh Quân	Số 007613/BG-CCHN ngày cấp 15/5/2020	KBCB chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	Bác sĩ y khoa (2017); Chứng chỉ định hướng chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh (2018); Chứng chỉ Siêu âm chẩn đoán trong sản phụ khoa - trình độ cơ bản (2019); Chứng chỉ Kỹ thuật ghi và đọc điện tâm đồ cơ bản (2023); Chứng chỉ Cắt lớp vi tính tổng quát chẩn đoán các bệnh lý thường gặp (2023)	Chẩn đoán hình ảnh & Thăm dò chức năng
51	Phạm Thị Phương Thảo	Số 007633/BG-CCHN ngày cấp 12/6/2020	KBCB đa khoa; Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh (Bổ sung theo Quyết định số 275/QĐ-SYT ngày 11/3/2021)	Bác sĩ y khoa (2017); Chứng chỉ Siêu âm tổng quát (2018); Chứng chỉ Chẩn đoán hình ảnh (2019); Chứng chỉ Siêu âm trong sản phụ khoa (2019); Chứng chỉ Kỹ thuật đọc và chụp phim cắt lớp vi tính cơ bản (2023); Chứng chỉ Kỹ thuật ghi và đọc điện tâm đồ cơ bản (2023)	Chẩn đoán hình ảnh & Thăm dò chức năng
52	Dương Thị Thúy	Số 001434/BG-CCHN ngày cấp 24/4/2023	KBCB đa khoa	Bác sĩ y khoa (2021); Chứng chỉ Chẩn đoán và điều trị cơ bản qua nội soi tiêu hoá (2022); Chứng chỉ Kỹ thuật ghi và đọc điện tâm đồ cơ bản (2023); Chứng chỉ Nội soi đại tràng chẩn đoán (2023); Chứng chỉ nội soi tiêu hoá can thiệp cơ bản (2025)	Chẩn đoán hình ảnh & Thăm dò chức năng
53	Nguyễn Xuân Trường	Số 007515/BG-CCHN ngày cấp 17/02/2020	KBCB đa khoa	Bác sĩ y đa khoa (2017) Chứng chỉ Kỹ thuật siêu âm tim cơ bản (2019); Chứng chỉ Siêu âm tổng quát chẩn đoán các bệnh lý thường gặp (2021); Chứng chỉ Siêu âm sản phụ khoa cơ bản	Chẩn đoán hình ảnh & Thăm dò chức năng

				(2022); Chứng chỉ Kỹ thuật ghi và đọc điện tâm đồ cơ bản (2023); Chứng chỉ Kỹ thuật và chẩn đoán XQuang (2023)	
54	Hoàng Văn Tuấn	Số 001391/BG-CCHN cấp ngày 23/9/2013	KBCB hệ Nội - Nhi	BSCKI Nội khoa (2010) 'Chứng chỉ Siêu âm ổ bụng (2003); 'Chứng chỉ Siêu âm cơ bản trong Sản phụ khoa (2018); Chứng chỉ Siêu âm tổng quát (2018); Chứng chỉ Kỹ thuật siêu âm tim cơ bản (2019);	Chẩn đoán hình ảnh & Thăm dò chức năng
55	Phùng Văn Cương	Số 005983/BG-CCHN ngày cấp 17/01/2017	Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học (2014); 'Chứng chỉ Kỹ thuật chụp phim cắt lớp vi tính (2020)	Chẩn đoán hình ảnh & Thăm dò chức năng
56	Nguyễn Tiến Duy	Số 005709/BG-CCHN ngày cấp 23/9/2016	Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh(X-quang)	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học (2019);	Chẩn đoán hình ảnh & Thăm dò chức năng
57	Mạc Đình Hà	Số 007548/BG-CCHN ngày cấp 13/3/2020	Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học (2021);	Chẩn đoán hình ảnh & Thăm dò chức năng
58	Lương Hữu Thủy	Số 0004112/BG- CCHN ngày cấp 13/5/2015	Kỹ thuật viên chẩn đoán hình ảnh	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học (2013);	Chẩn đoán hình ảnh & Thăm dò chức năng
59	Nguyễn Thúy Kiều	Số 047712/BYT- CCHN ngày cấp 19/9/2022	Quy định tại thông tư liên tịch số 26/2015 TTLT-BYT- BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu ch chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Cao đẳng điều dưỡng (2019)	Chẩn đoán hình ảnh & Thăm dò chức năng
60	Thân Quốc Tuấn	Số 001428/BG-CCHN ngày cấp 23/9/2013	Quy định tại quyết định số 41/2005/ QĐ- BNV ngày	Cử nhân điều dưỡng (2012); Chứng chỉ Kỹ thuật chụp phim cắt lớp vi	Chẩn đoán hình ảnh & Thăm dò chức năng

			22/04/2005 của bộ trưởng bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	tính (2020)	
61	Nguyễn Thị Thu	Số 007564/BG-CCHN ngày cấp 06/4/2020	Quy định tại thông tư liên tịch số 26/2015 TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	Cao đẳng điều dưỡng (2010)	Chẩn đoán hình ảnh & Thăm dò chức năng
62	Nguyễn Thị Vân	Số 002102/BG-CCHN ngày cấp 23/9/2013	Quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của bộ trưởng bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	'Cao đẳng điều dưỡng (2019)	Chẩn đoán hình ảnh & Thăm dò chức năng
63	Nguyễn Thị Vân	Số 001437/BG-CCHN ngày cấp 31/10/2013	Quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của bộ trưởng bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Cử nhân điều dưỡng (2020); Chúng chi Kỹ thuật phụ giúp bác sĩ nội soi dạ dày - tá tràng (2013); Chúng chi trợ giúp nội soi đường tiêu hoá dưới (2023)	Chẩn đoán hình ảnh & Thăm dò chức năng
64	Ngô Thị Thanh Xuân	Số 0002914/BG-CCHN ngày cấp 03/9/2014	Quy định tại quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/04/2005 của bộ trưởng bộ nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	Cử nhân điều dưỡng (2023); Chúng chi Trợ giúp bác sĩ thực hiện kỹ thuật nội soi dạ dày, tá tràng (2017) Chúng chi Trợ giúp nội soi đường tiêu hoá dưới (2023);	Chẩn đoán hình ảnh & Thăm dò chức năng

5. Bản kê khai danh mục thiết bị y tế

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ
1.	Máy xét nghiệm nước tiểu URIT 50	Urit-50	Urit Medical Electronic Co.,Ltd	Trung Quốc
2.	Máy phân tích huyết học tự động ≥ 18 thông số	ABX Micros ES60	Horiba medical	Pháp
3.	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động 400 xét nghiệm/giờ (không có ISE) (Norred TW)	AU480	Beckman Coulter	Mỹ
4.	Máy phân tích huyết học tự động 23 thông số (Norred TW)	MEK-7300K	Nihon Kohden	Nhật Bản
5.	Máy ly tâm (Dự án Norred-SN0028844)	Rotofix 32A	Hettich	Đức
6.	Máy xét nghiệm nước tiểu Urit 50	Urit-50	Urit Medical Electronic Co.,Ltd	Trung Quốc
7.	Máy phân tích huyết học tự động 18 thông số	ABX MicrosES60	Horiba medical	Pháp
8.	Máy xét nghiệm đông máu tự động	Thrombolyzer Compact-X	Behnk Elektronik	Đức
9.	Máy ly tâm (Dự án Norred-SN0028849)	Rotofix 32A	Hettich	Đức
10.	Máy phân tích miễn dịch tự động AIA 900	AIA900	Tosoh - Japan	Nhật Bản
11.	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động AU480	AU480	Beckman Coulter	Mỹ
12.	Máy phân tích miễn dịch tự động	IFLASH 1200-A	Shenzhen YHLO Biotech	Trung Quốc
13.	Máy phân tích miễn dịch tự động	IFLASH 1200-A	Shenzhen YHLO Biotech	Trung Quốc
14.	Máy xét nghiệm sinh hóa tự động	CA-400	Furuno Electric Co., Ltd	Nhật bản
15.	Máy đo độ đông máu tự động (Norred; Code: CL1K-09)	DC Analyzer	Dutch Diagnostics-Hà Lan	Đức
16.	Máy xét nghiệm nước tiểu tự động 11 thông số (Dự án Norred)	UA-66	Shenzhen Mindray Bio-Medical Electronics Co. Ltd	Trung Quốc
17.	Máy xét nghiệm huyết học tự động MEK-9100	MEK-9100	Nihon Kohden Corpration	Nhật Bản
18.	Máy xét nghiệm huyết học tự động MEK-9100	MEK-9100	Nihon Kohden Corpration	Nhật Bản
19.	Máy điện tim 6 kênh ECG-1250K	ECG- 1250K	Nihon Kohden	Nhật Bản
20.	Máy X-Quang cao tần ≥ 500 mA(nâng cấp thành máy Xquang kỹ thuật số năm 2015)	UD150L - 40E	Shimazu/ Nhật Bản	Nhật Bản

21.	Máy xquang di động nâng cấp Dr	Movix 4.0 E+	Stephanix, Pháp	Pháp
22.	Hệ thống chụp cắt lớp vi tính hai dãy đầu thu hoàn chỉnh	Brivo CT325	GE/Trung Quốc	Trung Quốc
23.	Máy siêu âm đen trắng	Prosound 6	Hitachi Aloka /Nhật Bản	Nhật Bản
24.	Máy siêu âm đen trắng	Prosound 6	Hitachi Aloka /Nhật Bản	Nhật Bản
25.	Máy siêu âm màu 4D Nhật Bản	SSD-3500SX	Hitachi Aloka/ Nhật Bản	Nhật Bản
26.	Máy siêu âm Doppler 4D Hàn Quốc (Norred TW)	USS – H60NF3L/WR	Sam sung/Hàn Quốc	Hàn Quốc
27.	Máy siêu âm Doppler màu có chức năng chuyên siêu âm tim mạch	Vivid T9 v206	GE/Trung Quốc	Trung Quốc
28.	Bộ nội soi dạ dày, tá tràng+ đại tràng ống mềm video+ monitor	OLYMPUS CV-V1	OLYMPUS/ Nhật Bản	Nhật Bản
29.	Hệ thống nội soi dạ dày	CV-150	OLYMPUS/ Nhật Bản	Nhật Bản
30.	Máy chẩn đoán mạch (máy lưu huyết não)	VasoScreen 5000	Medis/ Đức	Đức
31.	Máy điện tim 6 kênh ECG 1250K	ECG 1250K	Nihon Kohden	Nhật Bản
32.	Máy điện tim 6 kênh ECG 1250K	ECG 1250K	Nihon Kohden	Nhật Bản
33.	Máy đo chức năng hô hấp	E110181E0 Spirolap	MIR- ITALY	Italy
34.	Máy điện tim	ECG 1250K	Nihon kohden-	Japan
35.	Máy điện tim	ECG 1250K	Nihon kohden-	Japan
36.	Đèn soi đáy mắt Halogen	21881819	KEELER	Đức
37.	Sinh hiển vi khám mắt	17060067	SHIGIYA MACHINRY	Ytaly
38.	Hệ thống máy nội soi Tai Mũi Họng Medvision	2026720	TAKAGI SEIKO	Nhật Bản
39.	Hệ thống Ghế khám và điều trị răng	3STY0057	Foshan hirol oral	Trung Quốc
40.	Hệ thống Ghế khám và điều trị răng	3STY0032	Foshan hirol oral	Trung Quốc
41.	Máy ghế răng Ghế nha khoa	AJ10	GUANGZHOU AJAX MEDICAL	Trung Quốc
42.	Máy đo khúc xạ tự động và đo độ cong giác mạc GR-3300K	21BB1819	Takamatsu-shi Kagawa-ken	Nhật Bản
43.	Máy siêu âm màu xách tay LOGIQ V2(BVDC)	LOGIQ V2.	Hcat	Trung Quốc
44.	Bộ đo huyết áp	Số lượng 19		Nhật
45.	Ống nghe	Số lượng 19		Nhật
46.	Cân	Số lượng 2		Việt Nam
47.	Thước đo chiều cao	Số lượng 2		Việt Nam

6. Cơ sở vật chất khác

- Hệ thống mạng máy tính.
- Bàn ghế đảm bảo đủ tiêu chuẩn làm việc cho cán bộ nhân viên của khoa làm việc./.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hoàn